

GIỚI THIỆU SÁCH

ĐỌC SÁCH “NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO NHẬT BẢN”

Tác giả: JOSEPH M. KITAGAWA

Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, 790 tr.

Tập sách do Joseph M. Kitagawa viết bằng tiếng Anh (On Understanding Japanese religions), do Đại học Pinceton ở Mỹ ấn hành năm 1987, được Thạc sĩ Phật học Hoàng Thị Thơ dịch ra tiếng Việt, vừa ra mắt bạn đọc đầu năm 2002. Tác giả là một giáo sư nổi tiếng từng giảng dạy về tôn giáo học ở nhiều trường Đại học Mỹ.

Đọc cuốn sách, chúng ta có được những thấu lượm mới về lịch sử hình thành và phát triển của tôn giáo ở Nhật Bản, phần nào cũng có thể so sánh với Việt Nam.

Quần đảo Nhật Bản xuất hiện trên mặt biển Thái Bình Dương vào khoảng 65 triệu năm về trước, trong kỉ nguyên Đại tân sinh (Cénozoic) hay kỉ nguyên địa chất thứ ba (Tertiary), khi xảy ra những biến động cực lớn về hình thái của trái đất. Tuy vậy, niên đại tôn giáo Nhật Bản chỉ bắt đầu từ thời tiền đồ gốm, đầu thời Jomon, khoảng năm 2500 đến năm 250 (tr. CN).

Có vẻ như ở Việt Nam tôn giáo cổ xưa nhất là thờ cúng tổ tiên và các

linh hồn người chết, thì ở Nhật Bản tôn giáo cổ xưa nhất là thờ các loại thần, từ thần Mặt Trời đến thần núi, thần sông, thần các loài cây cối, các loài động vật. Các thần linh được coi như những sinh linh, gần gũi với loài người. Núi Fuji là vị thần giám hộ yêu quý của toàn dân Nhật Bản. Mỗi thị tộc là một đơn vị đoàn kết tôn giáo quanh một vị thần. Người Nhật tin rằng cây cối, loài vật cũng có tiếng nói của chúng. Thi ca cổ của Nhật Bản thường lấy nguồn cảm hứng trữ tình từ những câu chuyện sự tích các vị thần.

Đến thế kỉ VI (sau CN), Nhật Bản mới bắt đầu tiếp xúc văn hoá với Trung Quốc và Triều Tiên, du nhập các tôn giáo Khổng, Phật, Đạo. Tại Nhật Bản cũng có khái niệm “tam giáo đồng căn” như ở Việt Nam. Có điều là Phật giáo cũng như Khổng giáo, Đạo giáo tới Việt Nam sớm hơn Nhật Bản khoảng vài ba thế kỉ (Sĩ Nhiếp truyền Nho giáo tới Việt Nam khoảng đầu thế kỉ III (sau CN), và Phật giáo đến Việt Nam còn sớm hơn.

Người Nhật tiếp thu ba đạo Khổng, Phật, Đạo mà vẫn không xa rời Thần đạo, cũng như Việt Nam tìm thấy sự thống nhất của “tam giáo” trong tâm thức thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất.

Người Nhật coi nguồn gốc của chính quyền Nhà nước là từ con cháu của Thần Mặt Trời, gọi là Thiên Hoàng, trong khi người Việt Nam nhận nguồn gốc của Nhà nước mình là từ các Vua Hùng, con cháu của Rồng và Tiên (Lạc Long Quân và Âu Cơ).

Tuy gọi là “tam giáo”, nhưng vị trí của Đạo giáo không quan trọng như Phật giáo và Khổng giáo. Ở đây cũng có sự giống nhau giữa Nhật Bản với Việt Nam.

Nếu như ở Việt Nam sự tiếp thu Khổng giáo dẫn tới hạ thấp vị trí của phụ nữ, thì ở Nhật Bản không phải như thế. Ở Nhật Bản từng có Nữ hoàng Suiko truyền ngôi cho Thái tử Shotoku, là người đã từng thảo ra Hiến pháp 17 điều, nhấn mạnh coi trọng Phật giáo. Vua Shotoku cũng từng gửi nhiều thanh niên sang Trung Quốc du học để tinh thông Nho giáo.

Ở thế kỉ XIV - XVI, dưới thời Ashicaga, các thiền sư được coi như những tinh hoa của đất nước. Thiền sư thường tham gia các hoạt động hành chính, ngoại giao, ngoại thương, giáo dục và hoạt động nghệ thuật. Một số thiền sư từng du học Trung Quốc và cũng rất thông thạo Tổng

Nho, đặc biệt là trường phái Chu Hy. Họ đã thành lập ra Viện Hàn lâm Ashicaga, một loại trường đại học cổ xưa, đào tạo trí thức cho đất nước theo tinh thần thống nhất Thiên - Nho (Zen-Ju-Itchi). Đến thế kỉ XVII Nho giáo ở Nhật Bản bắt đầu vượt trội so với Phật giáo. Điều này cũng gợi cho ta liên hệ với Việt Nam, khi Văn Miếu Quốc tử giám được thành lập từ dưới triều nhà Lý, một triều đại rất tôn thờ Phật giáo, rồi sau đó Nho giáo cũng vươn lên hàng quốc giáo dưới thời các vua Lê từ thế kỉ XV.

Nói về vị trí của Phật giáo ở Nhật Bản, tác giả Joseph M. Kitagawa ghi *một đặc trưng* là Phật giáo thường thể hiện như một *tôn giáo phụ* chứ không phải là đối thủ của các tôn giáo bản địa. Phật giáo cũng như Thần giáo và Nho giáo đều góp phần bảo vệ Nhà nước. Đặc trưng này cũng có thể so sánh như Phật giáo ở Việt Nam.

Trong lịch sử Cận - Hiện đại Nhật Bản, các tôn giáo cũng có những biến chuyển song song với các chuyển biến chính trị. Đây là “*đợt sóng văn hoá thứ hai*” từ phương Tây du nhập vào trong thế kỉ XVI - XVII (đợt thứ nhất là du nhập văn hoá Trung Quốc - Triều Tiên ở thế kỉ VI). Các vị thừa sai Kitô giáo Châu Âu truyền vào đất Nhật một thứ tôn giáo mới, nhưng họ không thể đồng hoá Kitô giáo vào đời sống tôn giáo - văn hoá Nhật Bản như Khổng giáo và Phật giáo. Năm 1637 Kitô giáo bị một đòn nặng nề khi hàng

ngàn giáo dân ở phía Bắc đảo Kyushu nổi loạn chống Nhà nước Thiên Hoàng và bị đàn áp khốc liệt. Việc đàn áp giáo dân Kitô ở Nhật cũng giống như phong trào Bình Tây sát tả ở Việt Nam thế kỉ XIX. Có điều khác nhau là Bình Tây sát tả ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh bị quân viễn chinh Pháp xâm lược, rồi bị mất nước; còn ở Nhật Bản thì sau cuộc đàn áp Kitô giáo năm 1637, Nhà nước Thiên Hoàng thực hiện chính sách đóng cửa (sakoku) trong 2 thế kỉ rưỡi. Thời gian này xã hội phong kiến Nhật phát triển một cách có tổ chức, trong tôn ti trật tự, được kiểm soát chặt chẽ. Các võ sĩ là tầng lớp có vị trí cao nhất, tuân theo bộ luật *nửa tôn giáo* của họ, còn dân chúng thì tìm thấy sự thống nhất không cứng nhắc giữa Thần đạo, Phật giáo và Nho giáo, Đạo giáo. Họ chưa biết gì về một sự đổi mới của nền Cộng hoà ở bên kia Thái Bình Dương.

Cho mãi tới thế kỉ XIX, Nhật Bản mới hào hứng tiếp cận nền văn hoá phương Tây, như bưu điện, ngân hàng, đường sắt, v.v.. cùng với các thể chế xã hội mới như Nghị viện, Hiến pháp v.v... Nhiều thanh niên theo *phong trào bài trừ tín ngưỡng* có cảm giác là họ được giải phóng khỏi các giá trị văn hoá - tôn giáo truyền thống. Đầu những năm 1870, các tác phẩm của Mill, Darwin, Spencer, Voltaire, Kant, Hegel, Rousseau, v.v... du nhập vào giới sinh viên, và các Phật tử Nhật Bản cũng tìm thấy nhiều nguồn cảm

hứng từ Schopenhauer, Hegel, Spinoza, v.v... Kitô giáo, bị đàn áp từ các thế kỉ trước, tuy chưa dành lại sức mạnh ban đầu của nó, nhưng nhiều thanh niên trí thức nông thôn đã trở thành tín đồ Kitô giáo vào cuối thế kỉ XIX.

Tuy vậy, chế độ Thiên hoàng Minh Trị (từ 1867) không phải là sự thay đổi đột ngột từ Nhật Bản tiền hiện đại sang Nhật Bản hiện đại về mặt tôn giáo. Nhà nước Thiên hoàng không chỉ là *duy tôn* mà còn hàm nghĩa *phục cổ* nữa. Nó giữ lại thể chế xã hội - chính trị - tôn giáo - dân tộc lấy nhà vua làm trung tâm. Nó không đánh mất khuôn khổ văn hoá - tôn giáo truyền thống của Nhật Bản.

Bước sang thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành đế quốc, rồi thực hiện chế độ quân phiệt, những tướng sẽ được làm “lãnh tụ” của toàn nhân dân Châu Á với khẩu hiệu “Đông Á đồng văn”, nhưng đã hoàn toàn thất bại, phải đầu hàng lực lượng Đồng Minh (Mỹ, Anh, Liên Xô, Pháp, Trung Quốc).

Dưới sự chiếm đóng của quân đội Mỹ (1945 - 1952) và Hiệp ước hoà bình Mỹ - Nhật (1952), nước Nhật có khuynh hướng kinh tế, văn hoá, chính trị thiên về Mỹ. Tướng Mc Arthur từng ra một loạt mệnh lệnh, buộc chính phủ Thiên hoàng phải sửa đổi Hiến pháp, cải cách giáo dục, cải cách ruộng đất, v.v... Những sự thay đổi này kéo theo những thay đổi trong

tâm thức tôn giáo cổ truyền của nhân dân Nhật Bản. Nguyên tắc *tự do tôn giáo* được ban hành làm nảy sinh nhiều *Hiệp hội tôn giáo*. Thần đạo Nhà nước, một thứ siêu tôn giáo do chế độ Minh Trị tạo ra đã bị huỷ bỏ. Người ta cấm các cơ quan Nhà nước không được đứng ra truyền bá, tài trợ, kiểm soát Thần đạo. Đây là sự kiện lịch sử *tách tôn giáo ra khỏi Nhà nước*.

Một điều có ý nghĩa lịch sử to lớn khác là Vương dụ ban hành năm 1946, *chối bỏ tính thần thánh của Thiên hoàng*.

Năm 1951, một đạo luật khác *dành cho người có tín ngưỡng* (The Religion person law) chấm dứt hẳn việc bao cấp của Nhà nước đối với các tôn giáo. Nhưng gần 80.000 đền Thần đạo lại thuộc về các *Hiệp hội đền*, thành một mạng lưới trong cả nước, dựa vào tài trợ địa phương và tiền công đức các lễ hội để tồn tại. Trong khi Kitô giáo không phát triển được mạnh mẽ thì Phật giáo vẫn phát triển theo phương thức tách ra thành nhiều nhánh phái độc lập, có tới 170 nhánh, gấp ba lần trước chiến tranh, lại được kích động bởi *Hiệp hội Phật tử thế giới*.

Một trong những đặc điểm tôn giáo Nhật Bản sau Thế chiến thứ hai là *đột ngột mọc lên nhiều thứ tôn giáo mới* với các vị “cứu thế” tự tôn xưng. Các tôn giáo này phát triển mau chóng sau Chiến tranh Triều Tiên, nhất là sau 1955, khiến cho các học giả phương Tây gọi các tôn giáo này bằng một ý niệm chung là *"loại tôn giáo khủng hoảng"*.

Tác giả đưa ra một nhận xét khái quát về toàn bộ tình hình tôn giáo Nhật Bản: “Nguyên tắc *tự do tôn giáo* và nguyên tắc *tôn giáo tách khỏi Nhà nước* đã tạo ra khả năng *mở cửa thứ hai* cho tôn giáo Nhật Bản một cách lí thuyết”.

Gần 800 trang sách “*Nghiên cứu Tôn giáo Nhật Bản*” đề cập quá nhiều vấn đề với rất nhiều sự kiện, mà bài tóm lược ngắn gọn này không thể giới thiệu hết, chỉ xin nêu một ý niệm thu hoạch chủ quan là: kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo nói trên của Nhật Bản có thể là một gợi ý tốt cho chúng ta trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo trong đời sống xã hội./.

Hoàng Thanh Đạm